

Sau điều chỉnh.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN –
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**



**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH
CUNG CẤP GIẢI PHÁP PHẦN MỀM “TỰ ĐỘNG HÓA
HÓA ĐƠN ĐẦU VÀO” CHO HỆ THỐNG BÁN LẺ
SATRA**

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2026

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

(Cung cấp giải pháp phần mềm “Tự động hóa hóa đơn đầu vào” cho hệ thống bán lẻ Satra)

CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI
GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÂM QUỐC THANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ SAO ĐỎ
GIÁM ĐỐC


Nguyễn Lê Đình Bảo

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

A. Khái quát

B. Chuẩn bị HSDX

C. Nộp và mở HSDX

D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu

E. Trao Hợp đồng

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 1. Đơn chào hàng

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 4. kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh

Mẫu số 6. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu

Mẫu số 8. Kê khai năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu

Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu

Mẫu số 11. Biểu chào giá

Mẫu số 12. Biểu giá và Lịch hoàn thành – Các dịch vụ liên quan

Mẫu số 13. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Chương IV. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương VI. Kiểm tra và thử nghiệm

Chương VII. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam

Chương I: CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Bên mời thầu phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm “Cung cấp giải pháp phần mềm “Tự động hóa hóa đơn đầu vào” cho hệ thống bán lẻ Satra” được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau: Cung cấp giải pháp phần mềm “Tự động hóa hóa đơn đầu vào” cho hệ thống bán lẻ Satra.

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 tháng.

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và vốn khác.

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ, dịch vụ liên quan và tài liệu chứng minh

4.1 “Hàng hóa/dịch vụ ” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư;

4.2 “Xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa/dịch vụ hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa/dịch vụ trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa/dịch vụ đó.

4.3 Yêu cầu khác về tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ: Không có.

4.4 Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục này thì nhà thầu phải hoàn chỉnh mẫu kê khai xuất xứ trong các Biểu mẫu tương ứng quy định tại Chương III- Biểu mẫu.

a) Để chứng minh tính phù hợp của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp tài liệu sẽ trở thành một phần của HSDX và là bằng chứng chứng minh rằng hàng hóa/dịch vụ đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật nêu ở Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ .

b) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ có thể là hồ sơ giấy tờ, bản vẽ hoặc số liệu và phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng căn bản của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ .

c) Nhà thầu cũng phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng, v.v... cần thiết để đảm bảo sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa/dịch vụ trong thời hạn quy định 60 ngày sau khi Chủ đầu tư bắt đầu sử dụng hàng hóa/dịch vụ.

d) Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình, vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ hoặc số catalogue do Chủ đầu tư nêu ra trong Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ khác và/hoặc số catalogue khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo sự tương đương căn bản hoặc thậm chí cao hơn so với thông số theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ.

B. CHUẨN BỊ HSDX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSDX

HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Tài liệu kèm theo (catalogue, tính năng kỹ thuật...) trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSDX

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 3;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của Hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4;
- Các nội dung khác: Không có.

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

Chương II: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Bước 1: Kiểm tra HSDX, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDX;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;
- i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành

viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Giấy tờ cần nộp	
				Tất cả các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1. Năng lực tài chính						
1.1	Doanh thu bình quân hàng năm	Doanh thu bình quân tối thiểu hàng năm là 1.260.000.000 VND , trong vòng 03 năm trở lại đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 09
1.2	Tình hình tài chính lành mạnh	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh trong 01 năm tài chính gần nhất. a) Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn >1; b) Giá trị ròng phải ≥ 0; c) Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
2. Kinh nghiệm						
2.1	Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính có liên quan đến việc thực hiện gói thầu tối thiểu là 03 năm trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	

2.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng các hợp đồng cung cấp <i>hàng hóa/dịch vụ</i> tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 01 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu: 01 hợp đồng - Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc giải pháp phần mềm . - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.100.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06
3	Năng lực sản xuất và kinh doanh	- Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong thời gian 03 năm gần đây. - Cơ sở vật chất kỹ thuật; - Tổng số lao động, trong đó số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ có liên quan đến việc thực hiện gói thầu; - Các nội dung khác (nếu có).	Phải thỏa mãn yêu cầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 08

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chuẩn chấp nhận được nhưng không được vượt quá 3 tiêu chuẩn tổng quát trong tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung đánh giá		Đạt, không đạt	
		Đạt	Không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ			
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của HSYC	Đạt	
	Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HSYC		Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa/dịch vụ			
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa/dịch vụ	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa/dịch vụ hợp lý, hiệu quả kinh tế	Đạt	
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa/dịch vụ hợp lý, hiệu quả kinh tế		Không đạt

Khả năng trình diễn giải pháp thực tế đáp ứng nội dung tại mục II “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V và khoản 1.4 Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC	Có trình bày demo giải pháp tự động hóa hóa đơn đầu vào khi vận hành thực tế, thể hiện đầy đủ các chức năng và quy trình nghiệp vụ của giải pháp do nhà thầu đề xuất để đáp ứng các yêu cầu tại Chương V. Nhà thầu phải thực hiện Demo trực tiếp trên giải pháp/phần mềm chào thầu theo đầy đủ 10 kịch bản và dữ liệu giả lập do SATRA cung cấp theo quy định tại khoản 1.4 Chương V. Kết quả Đạt khi: (1) Nhà thầu tham gia Demo đúng thời gian được thông báo; (2) Thực hiện đầy đủ 10 kịch bản; (3) Tìm kiếm kịch bản hoàn thành đầy đủ các bước/yêu cầu bắt buộc và cho ra kết quả có thể kiểm chứng theo khoản 1.4 Chương V. Chú ý: <i>Nhà thầu chỉ được đánh giá Đạt tiêu chí này khi cả 10/10 kịch bản đều Đạt.</i> <i>Kết quả được Tổ chuyên gia/Bên mời thầu ghi nhận bằng Biên bản Demo.</i>	Đạt	
	Một trong các trường hợp sau: (1) Không tham gia Demo theo yêu cầu của Bên mời thầu; (2) Không thực hiện đầy đủ 10 kịch bản; (3) Có ít nhất 01 kịch bản không hoàn thành đầy đủ các bước/yêu cầu bắt buộc hoặc không chứng minh được kết quả đầu ra theo yêu cầu của kịch bản trên giải pháp/phần mềm chào thầu. Chú ý: <i>Nhà thầu Không đạt tiêu chí Demo được kết luận Không đáp ứng về kỹ thuật và không được xem xét là nhà thầu đáp ứng kỹ thuật.</i>		Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ			
Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ	Đạt	

vụ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC	thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC		
	Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ hoặc có Bảng tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật		Không đạt
4. Bảo hành			
Thời gian bảo hành	Có cam kết thời gian bảo hành hàng hóa/dịch vụ do nhà thầu cung cấp tối thiểu 60 tháng	Đạt	
	Không có cam kết thời gian bảo hành hàng hóa/dịch vụ do nhà thầu cung cấp hoặc có cam kết nhưng thời gian bảo hành dưới 60 tháng.		Không đạt
5. Uy tín của nhà thầu			
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu và có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trước đó vượt tiến độ hoặc có giải thưởng quốc gia trong lĩnh vực liên quan đến gói thầu và không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	Đạt	
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng tương tự do lỗi của nhà thầu.		Không đạt

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.

Chương III: Biểu mẫu

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể ; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết nhưng thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Nhà thầu phải đề xuất chi phí phù hợp với yêu cầu của từng hạng mục quy định tại Bảng 1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ thuộc Chương IV: PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ của Hồ sơ yêu cầu này.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSĐX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] do ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày tháng năm

Gói thầu: [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];

Căn cứ [Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác ____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ [Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ đề xuất]*

1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>
3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> “ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. “ Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. “ Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: ● Tự chủ về pháp lý và tài chính ● Hoạt động theo luật doanh nghiệp
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

(1). Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.

(2). Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH

1. Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

a) Sản xuất:

- _____⁽²⁾ từ năm: _____ đến năm: _____

- _____ từ năm: _____ đến năm: _____

...

b) Kinh doanh:

- _____⁽³⁾ từ năm: _____ đến năm: _____

- _____ từ năm: _____ đến năm: _____

...

3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong _____⁽⁴⁾ năm gần đây:

a) Sản xuất:

b) Kinh doanh:

4. Tổng số lao động hiện có:

a) Trong lĩnh vực sản xuất:

Trong đó, cán bộ chuyên môn: ⁽⁵⁾

b) Trong lĩnh vực kinh doanh:

Trong đó, cán bộ chuyên môn: ⁽⁵⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2). Ghi lĩnh vực sản xuất chính (3). Ghi lĩnh vực kinh doanh chính

(4). Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường từ 3 đến 5 năm; đối với gói thầu quy mô nhỏ thì có thể quy định ít hơn 3 năm trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của dự án).

(5). Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu cụ thể về cán bộ chuyên môn như: số lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ chuyên môn...

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định Chương II].

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm ____	Nă m ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Báo cáo kiểm toán;
5. Các thông lệ khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU
(Bảo đảm của ngân hàng)

Bên thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo đảm: [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]⁽¹⁾ (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định tại Chương I;

c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.”

(2) Ghi theo quy định tại Chương I.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I

Các Mẫu biểu giá

[Nhà thầu phải điền vào các Mẫu Biểu giá theo các chỉ dẫn kèm theo. Danh sách các hạng mục chính trong cột 1 của các Biểu giá phải phù hợp với Danh mục hàng hóa/dịch vụ quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp]

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa/dịch vụ	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) =(7) x (9)
1									
2									
3									
Cộng									
Thuế									
Phí (nếu có)									
Tổng cộng									

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Biểu giá và Lịch hoàn thành - Các dịch vụ liên quan

1	2	3	4	5	6	7
Dịch vụ số	Mô tả dịch vụ (không bao gồm vận chuyển nội địa và các dịch vụ khác cần thiết trong Việt Nam để chuyển chở hàng hóa/dịch vụ đến đích cuối cùng)	Nước xuất xứ	Ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cùng	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá	Tổng giá cho dịch vụ (Cột 5*6 hoặc ước tính)
[điền số hiệu dịch vụ]	[điền tên Dịch vụ]	[điền tên nước xuất xứ của dịch vụ]	[điền ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng]	[điền số lượng đơn vị dịch vụ sẽ được cung cấp và đơn vị tính]	[điền đơn giá hạng mục]	[điền tổng giá của hạng mục]
				Tổng giá chào thầu		

Tên Nhà thầu [điền tên đầy đủ của Nhà thầu] Chữ ký của Nhà thầu [chữ ký của người ký HSDX] Ngày [điền ngày]

Chương IV: PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ được Bên mời thầu đưa vào HSYC và phải bao gồm mô tả về các hàng hóa/dịch vụ sẽ được cung cấp cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ để hỗ trợ các nhà thầu chuẩn bị HSĐX một cách hiệu quả và chính xác khi lập các biểu giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương III. Ngoài ra, Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ với Biểu giá là cơ sở cho việc điều chỉnh hợp đồng.

Ngày giao hàng hoặc thời hạn giao hàng phải được xác định một cách thận trọng, dựa trên những yếu tố sau:

1. Ảnh hưởng của các điều khoản giao hàng quy định trong Hướng dẫn cho Nhà thầu theo các quy tắc Incoterms (ví dụ như EXW, hoặc CIP, FOB, FCA — mà theo đó “giao hàng” được hiểu là khi hàng hóa/dịch vụ được chuyển giao cho đơn vị vận chuyển);

2. Ngày giao hàng được tính kể từ khi nhà thầu bắt đầu có nghĩa vụ giao hàng tới Chủ đầu tư (ví dụ như thông báo trao hợp đồng, ký hợp đồng, mở hoặc xác nhận tín dụng thư).

1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ

Hạng mục chính số	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Điểm giao hàng cuối cùng (Địa điểm Dự án) theo quy định ở BDS	Ngày giao hàng (theo Incoterms)		
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu
1	Khởi tạo dịch vụ (*)	1	Dịch vụ	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, địa chỉ: 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	01 ngày	120 ngày	
2	Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều (**)	1	Dịch vụ	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, địa chỉ: 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	01 ngày	04 năm 8 tháng	

(*) Nhà thầu chào giá hạng mục công việc theo nội dung trọn gói;

(**) Nhà thầu chào giá hạng mục công việc theo đơn giá là thời gian thuê dịch vụ (04 năm 8 tháng) và đơn giá là theo số lượng hóa đơn được xử lý.

2. Danh mục các dịch vụ liên quan và lịch hoàn thành⁽¹⁾

[Bên mời thầu phải điền vào bảng này. Ngày yêu cầu hoàn thành phải thực tế và nhất quán với ngày giao hàng yêu cầu (theo Incoterms)]

Dịch vụ	Mô tả Dịch vụ	Khối lượng ⁽²⁾	Đơn vị tính	Địa điểm nơi thực hiện Dịch vụ	Ngày chính thức hoàn thành Dịch vụ
[điền số hiệu dịch vụ]	[mô tả các dịch vụ liên quan]	[điền khối lượng hạng mục sẽ được cung cấp]	[điền đơn vị tính]	[điền tên địa điểm]	[điền Ngày hoàn thành yêu cầu]

Ghi chú

(1) Trường hợp hàng hóa/dịch vụ có dịch vụ liên quan đi kèm thì Bên mời thầu phải kê khai trong Bảng này.

(2) Trường hợp một số phần của gói thầu có dịch vụ liên quan đi kèm thì Bên mời thầu phải kê khai cụ thể khối lượng cần thiết.

Chương V: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Tóm tắt Yêu cầu về kỹ thuật. Hàng hóa/dịch vụ và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các Yêu cầu về kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

1. Giới thiệu:

1.1. Thông tin chung về dự toán mua sắm:

- Tên dự toán mua sắm: Cung cấp giải pháp phần mềm “Tự động hóa hóa đơn đầu vào” cho hệ thống bán lẻ Satra.

- Đơn vị mua sắm: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên (Phòng Công nghệ Thông tin).

- Địa điểm thực hiện: 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện: Quý IV/2026;

1.2. Mục tiêu, quy mô và nội dung hàng hóa, dịch vụ

a. Mục tiêu

Triển khai giải pháp phần mềm “Tự động hóa hóa đơn đầu vào” cho hệ thống bán lẻ Satra nhằm phục vụ và tăng cường hiệu quả tổ chức hoạt động kinh doanh của Hệ thống bán lẻ SATRA.

b. Quy mô và nội dung hàng hóa, dịch vụ

STT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
I	Khởi tạo dịch vụ	Thời hạn cung cấp dịch vụ: 120 ngày kể từ lúc ký hợp đồng
1	Khảo sát và phân tích hiện trạng cơ cấu tổ chức, quy trình nghiệp vụ	+ Bộ câu hỏi khảo sát khách hàng; + Bộ câu hỏi rule matching; + Format master data; + Đề xuất giải pháp kỹ thuật công nghệ; + Đề xuất kế hoạch triển khai (Master plan, Timeline).
2	Thiết kế giải pháp	Thiết kế giải pháp về quy trình nghiệp vụ vận hành: + Quy tắc đối chiếu từng trường hợp (1 hóa đơn - 1 đơn đặt hàng); + Quy tắc kiểm tra hóa đơn với Cục Thuế; Thiết kế giải pháp về kỹ thuật: quy trình tích hợp.
3	Triển khai cấu hình hệ thống	+ Khai báo thông tin công ty/chi nhánh; + Cấu hình tài khoản Người dùng; + Phân quyền người dùng.

4	Tích hợp với phần mềm Dynamics AX 2012 R3	+ Triển khai các open API để tích hợp với phần mềm Dynamics AX 2012 R3; + Thiết kế và xây dựng mới các API trực tiếp trên hệ thống Dynamics AX 2012 R3 để phục vụ cho việc tích hợp; + Đồng bộ nhà cung cấp; + Đồng bộ danh mục hàng hóa; + Đồng bộ quy đổi đơn vị; + Đồng bộ PO; + Đồng bộ GR; + Xây dựng và triển khai các trường API truyền dữ liệu về kết quả kiểm tra; + Cung cấp đầy đủ mã nguồn (source code) đối với các API, dịch vụ tích hợp và các thành phần phần mềm được phát triển riêng trên hệ thống Dynamics AX 2012 R3;
5	Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng tự động đối chiếu hóa đơn	+ Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng lấy mã PO trên hóa đơn hoặc email; + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng mapping hóa đơn nhận về với danh sách PO và GR; + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng mapping thông tin: Nhà cung cấp, Mã hàng hóa, Tên hàng hóa; + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng Hỗ trợ khai báo tỷ lệ quy đổi đơn vị tính; + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng đối chiếu chênh lệch được phép (Trên tổng giá trị hóa đơn và trên từng dòng hàng hóa trong hóa đơn); + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng Hỗ trợ nhận diện hàng khuyến mãi và chiết khấu trên hóa đơn; + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng Hỗ trợ quy đổi đơn vị tính giữa hóa đơn và ERP; + Triển khai xây dựng quy tắc và chức năng Xử lý các trường hợp đặc biệt: Hóa đơn hủy, thay thế, chỉnh sửa. + Triển khai các phiếu nhập kho tự động kết

		chuyển phiếu đề nghị thanh toán căn cứ theo điều khoản hợp đồng tới hạn.
6	Hỗ trợ Onboarding	+ Đào tạo On-site tại Head office khách hàng (4 tiếng); + Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng; + Đội ngũ Chăm sóc khách hàng hỗ trợ riêng biệt; + Hỗ trợ hypercare sau go-live (2 tuần).
7	Thiết lập tích hợp hệ thống ERP	+ Thiết kế và triển khai AIF Inbound / Outbound và Web API; + Thiết kế và triển khai batch job để đồng bộ master data & tạo menu item (Vendor, PO, Item...); + Thiết kế và triển khai batch job để lấy thông tin hóa đơn về staging table, tạo validation rules; + Tạo màn hình phân hóa đơn đã được kiểm tra và đối chiếu với PO được đồng bộ về từ hệ thống của nhà thầu; + Tạo phiếu nhập kho nháp; + Trả kết quả phiếu nhập về hệ thống của nhà thầu.
8	Thiết kế và triển khai hệ thống Web Mobile	+ Thiết kế và phát triển giao diện tối ưu cho thiết bị di động; + Cho phép kiểm tra, chỉnh sửa thực nhập và xác nhận các bản ghi Goods Receipt (GR) tạm tính trên hệ thống; + Tự động tạo bản thảo GR dựa trên dữ liệu đã khớp để người dùng phê duyệt cuối cùng;
II	Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều	Thời hạn cung cấp dịch vụ: 04 năm 8 tháng
		+ Giải pháp phải đáp ứng khả năng xử lý tối thiểu 3.000.000 hóa đơn trong thời gian 05 năm kể từ ngày nghiệm thu đưa hệ thống vào vận hành chính thức; + Số lượng hóa đơn xử lý chưa sử dụng hết trong từng năm được phép chuyển tiếp sang các năm tiếp theo trong thời hạn cung cấp dịch vụ;

		+ Trường hợp tổng số lượng hóa đơn phát sinh vượt quá 3.000.000 hóa đơn trong thời hạn 05 năm, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung số lượng hóa đơn xử lý theo nhu cầu thực tế; + Nhà thầu phải cam kết duy trì đầy đủ chức năng hệ thống, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và khả năng xử lý hóa đơn trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ. + Trong trường hợp có phát sinh thay đổi nội dung công việc tại mục I “Khởi tạo dịch vụ” hoặc: ○ Trường hợp Chủ đầu tư thay thế hệ thống Dynamics AX 2012 R3 bằng các hệ thống công nghệ thông tin khác trong thời gian bảo hành, bảo trì hoặc thời gian cung cấp “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ điều chỉnh và tích hợp hệ thống với hệ thống công nghệ thông tin mới của Chủ đầu tư mà không phát sinh thêm bất kì chi phí nào. ○ Trường hợp Satra thay đổi mô hình kinh doanh hợp nhất các đơn vị bán lẻ về thành 1 công ty bán lẻ, trong thời gian bảo hành, bảo trì hoặc thời gian cung cấp “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ điều chỉnh và tích hợp hệ thống với hệ thống công nghệ thông tin mới của Chủ đầu tư mà không phát sinh thêm bất kì chi phí nào.
--	--	--

1.3. Dịch vụ bảo hành, bảo trì, và hỗ trợ kỹ thuật:

Bảo hành 05 năm kể từ ngày nhà thầu hoàn thành dịch vụ triển khai. Trong thời gian thực hiện bảo hành dịch vụ triển khai, nhà thầu phải hỗ trợ khắc phục sự cố, hỗ trợ cài đặt và hỗ trợ sử dụng cơ bản, cài đặt các bản vá lỗi, bản nâng cấp, cải tiến của nền tảng (nếu có), đồng thời bảo đảm hỗ trợ kỹ thuật và xử lý số lượng hóa đơn theo phạm vi cung cấp của hợp đồng cho đến khi Chủ đầu tư sử dụng hết số lượng hóa đơn xử lý được cung cấp theo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu không khắc phục được sự cố kịp thời thì nhà thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư.

Bảo hành dịch vụ triển khai bao gồm việc sửa đổi, cập nhật hoặc nâng cấp các sản phẩm, dịch vụ đã bàn giao theo yêu cầu đã thống nhất ban đầu hay việc phát triển chương trình máy tính hoặc các yêu cầu mới của Chủ đầu tư.

Cam kết thời gian hỗ trợ sau triển khai:

+ Đối với sự cố nghiêm trọng: Thời gian phản hồi tối đa là 01 giờ (*); thời gian khắc phục tạm thời tối đa 02 giờ (**), khắc phục triệt để là tối đa 08 giờ (**).

+ Đối với sự cố khẩn cấp: Thời gian phản hồi tối đa là 01 giờ (*); thời gian khắc phục tạm thời tối đa 04 giờ (**), khắc phục triệt để là tối đa 24 giờ (**).

+ Đối với sự cố bình thường: Thời gian phản hồi tối đa là 02 giờ (*); thời gian khắc phục tạm thời tối đa 06 giờ (**), khắc phục triệt để là tối đa 48 giờ (**).

+ Đối với sự cố nguy cơ thấp: Thời gian phản hồi tối đa là 04 giờ (*); thời gian khắc phục tạm thời tối đa 24 giờ (**), khắc phục triệt để là tối đa 72 giờ (**).

Trong đó:

(*) Tính từ thời điểm chủ đầu tư thực hiện thông báo qua điện thoại/email/fax

(**) Tính từ thời điểm nhà thầu phản hồi tiếp nhận thông báo của Chủ đầu tư về sự cố.

1.4. Yêu cầu Demo giải pháp/phần mềm chào thầu

a. Nguyên tắc đánh giá chung

- **Tính bắt buộc:** Demo là yêu cầu bắt buộc để kiểm chứng tính năng thực tế của phần mềm. Nhà thầu phải được đánh giá Đạt ở tất cả các kịch bản mới được coi là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- **Dữ liệu kiểm thử:** SATRA sẽ cung cấp dữ liệu giả lập (hóa đơn mẫu, đơn đặt hàng PO, phiếu nhập kho GR) trước buổi demo từ 04 đến 05 ngày.

- **Quy tắc chấm điểm:** Đánh giá theo tiêu chí Đạt/Không đạt cho từng kịch bản. Chỉ cần 01 kịch bản Không đạt thì toàn bộ phần Demo sẽ bị tính là Không đạt.

- **Biên bản ghi nhận:** Kết quả được lập thành Biên bản Demo có chữ ký xác nhận của Tổ chuyên gia và đại diện nhà thầu.

b. Các kịch bản Demo bắt buộc: 10 kịch bản

❖ Kịch bản 1 – Khởi tạo, Cấu hình hệ thống & Phân quyền

Các bước thực hiện:

- (1) Khai báo thông tin Tổng công ty và các chi nhánh bán lẻ Satra;
- (2) Cấu hình tài khoản và phân quyền người dùng (Phòng CNTT, Kế toán, Kho);
- (3) Thiết lập quy tắc đối chiếu chênh lệch được phép (trên tổng giá trị hóa đơn và trên từng dòng hàng hóa);
- (4) Thiết lập quy tắc kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn với cơ quan Thuế.

Tiêu chí đạt:

Thực hiện đầy đủ 4 bước; cấu hình lưu trữ chính xác; hệ thống tự động áp dụng các tham số chênh lệch đã khai báo vào quy trình xử lý hóa đơn ở các kịch bản sau.

❖ **Kịch bản 2 – Tiếp nhận, Trích xuất OCR & Kiểm tra tính pháp lý hóa**

Các bước thực hiện:

(1) Tiếp nhận hóa đơn đầu vào tự động từ Email , tổng cục thuế hoặc tải trực tiếp file (PDF/XML);

(2) Hệ thống tự động nhận diện và trích xuất thông tin (Mã số thuế, thông tin hóa đơn, chi tiết từng dòng hàng hóa, nhận diện hàng khuyến mãi, chiết khấu);

(3) Tự động đối chiếu/mô phỏng gọi API kết nối với Tổng cục Thuế để kiểm tra trạng thái hoạt động của nhà cung cấp và tính hợp lệ của hóa đơn;

(4) Xử lý các hóa đơn đặc biệt (bị hủy, thay thế, chỉnh sửa).

Tiêu chí đạt:

Hệ thống nhận diện đúng các trường thông tin cốt lõi; trạng thái hóa đơn thuế hiển thị rõ ràng; phân biệt được hóa đơn hủy/thay thế theo đúng nghiệp vụ thực tế.

❖ **Kịch bản 3 – Tự động đối chiếu 3 chiều**

Các bước thực hiện:

(1) Thể hiện dữ liệu Đơn đặt hàng (PO) và Phiếu nhập kho (GR) đã đồng bộ từ ERP;

(2) Hệ thống tự động quét và nhận diện mã PO trên hóa đơn/email để map với PO trong hệ thống;

(3) Áp dụng quy tắc quy đổi đơn vị tính tự động giữa hóa đơn và ERP (ví dụ: thùng sang cái);

(4) Chạy đối chiếu 3 chiều (Hóa đơn - PO - GR) và đưa ra các cảnh báo lệch giá/leech số lượng nằm ngoài ngưỡng chênh lệch được phép.

Tiêu chí đạt:

Trích xuất và mapping với PO tự động thành công; quy đổi đúng đơn vị tính; hiển thị bảng so sánh chi tiết giữa 3 nguồn dữ liệu và đánh dấu các dòng bị lệch rõ ràng để người dùng xử lý.

❖ **Kịch bản 4 – Tích hợp và Đồng bộ dữ liệu với hệ thống ERP**

Các bước thực hiện:

(1) Kết nối luồng API truyền dữ liệu kết quả kiểm tra hóa đơn về hệ thống Erp;

(2) Tạo tự động Phiếu nhập kho (Goods Receipt) và ghi sổ PO trên ERP đối với các hóa đơn khớp hoàn toàn và có sự xác nhận từ user;

(3) Chạy batch job đồng bộ master data ngược lại (Vendor, PO, Item...) từ ERP về phần mềm hóa đơn.

Tiêu chí đạt:

Thể hiện rõ ràng luồng dữ liệu vào/ra ERP thông qua API; tạo thành công phiếu nhập kho nháp trên môi trường giả lập; hiển thị giao diện kiểm soát tích hợp.

❖ **Kịch bản 5 – Nghiệp vụ xác thực trên Thiết bị di động (Web Mobile)**

Các bước thực hiện:

- (1) Đăng nhập tài khoản trên thiết bị di động (giao diện Web Mobile tối ưu hóa);
- (2) Truy cập danh sách hóa đơn và các bản ghi GR tạm tính;
- (3) Thực hiện kiểm tra, điều chỉnh số lượng thực nhập và xác nhận thông tin Goods Receipt (GR) trực tiếp trên di động;
- (4) Tự động khởi tạo bản nháp GR dựa trên dữ liệu đã khớp để người dùng phê duyệt cuối cùng.

Tiêu chí đạt:

Giao diện Web Mobile hiển thị tối ưu, hoạt động mượt mà; thực hiện đầy đủ luồng kiểm tra, chỉnh sửa thực nhập và xác nhận dữ liệu GR đồng bộ ngay lập tức về hệ thống ERP.

❖ **Kịch bản 6 – Phát hiện hóa đơn trùng (trường hợp 1 hóa đơn gửi 2 lần và 1 PO xuất hóa đơn 2 lần)**

Nội dung kiểm thử:

Gửi cùng một hóa đơn 02 lần qua Email/API/File Upload; kiểm tra khả năng nhận diện số hóa đơn, ký hiệu, nhà cung cấp, ngày và giá trị để phát hiện trùng.

Tiêu chí Đạt:

Tự động cảnh báo hóa đơn bị trùng; không tạo giao dịch/chứng từ trùng; hiển thị hóa đơn gốc hoặc giao dịch đã tồn tại và lý do cảnh báo.

❖ **Kịch bản 7 – Một đơn hàng nhiều phiếu nhập – nhiều hóa đơn**

Nội dung kiểm thử:

Một PO có nhiều hóa đơn.

Tiêu chí Đạt:

Hệ thống tổng hợp tổng tiền PO khớp tổng tiền trên các hóa đơn cộng lại.

❖ **Kịch bản 8 – Lỗi giá và lỗi số lượng đồng thời**

Nội dung kiểm thử:

Tạo hóa đơn có Giá chênh lệch và số lượng chênh lệch với PO; một hoặc cả hai vượt ngưỡng giá trị sai lệch đã cấu hình.

Tiêu chí Đạt:

Nhận diện đúng từng loại chênh lệch; áp dụng đúng sai lệch cho phép; đưa giao dịch vào phê duyệt cho phép tương ứng và không tự động ghi nhận khi chưa đủ điều kiện.

❖ **Kịch bản 9 – Sai lệch mã vạch hàng khi nhận**

Nội dung kiểm thử:

Cố tình tạo sai lệch mã vạch ; người dùng xử lý nguyên nhân; chấp thuận phê duyệt; chạy lại phù hợp mã vạch đúng.

Tiêu chí Đạt:

Luồng tiếp tục từ trạng thái trước đó; không phải nhập lại toàn bộ hóa đơn; lưu đầy đủ lịch sử xử lý và trạng thái cuối cùng.

❖ **Kịch bản 10 – Tự động tạo Giấy đề nghị thanh toán**

Nội dung kiểm thử:

Tự động tạo phiếu đề nghị thanh toán đối với các hóa đơn đến hạn thanh toán.

Tiêu chí Đạt:

Chọn đủ hóa đơn đưa lên giấy đề nghị thanh toán đúng hạn hợp đồng

c. Tổ chức Demo và ghi nhận kết quả

- Nhà thầu tự chuẩn bị giải pháp phần mềm, hạ tầng máy chủ demo, thiết bị đầu cuối (bao gồm cả môi trường giả lập di động cho kịch bản 5).

- Buổi demo không được làm thay đổi giải pháp kỹ thuật cốt lõi nhà thầu đã đề xuất trong hồ sơ chào thầu.

Chương VI: KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa, dịch vụ được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Đối tượng thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: [điền số Bảo lãnh]

Bên bảo lãnh: [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng _ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện _ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] () [điền số tiền bằng chữ]², theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng, 2...³, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

[chữ ký]

² Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ để chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

³ Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

Chương VII
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG ⁽⁴⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Ghi tên dự án*]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [*Ghi tên chủ đầu tư*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

⁴⁰ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa/dịch vụ được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa/dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - b) Tiến độ thanh toán:
 - Thanh toán đợt 1: Sau khi Bên B hoàn thành và được Bên A nghiệm thu khối lượng công việc của hạng mục I “Khởi tạo dịch vụ” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị của hạng mục I theo giá trị dự thầu và không vượt quá giá trị 950.000.000 đồng;
 - Thanh toán đợt 2: Sau Khi Bên B hoàn thành và được Bên A nghiệm thu khối lượng công việc trong chu kỳ thanh toán thứ 1 (từ tháng thứ 1 đến hết tháng thứ 12)

của hạng mục II “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC. Khối lượng công việc được nghiệm thu là số lượng hóa đơn được xử lý trong kỳ thanh toán. Nếu số lượng hóa đơn vượt quá 600.000 hóa đơn/chu kỳ (12 tháng) thì Chủ đầu tư chỉ thanh toán số lượng tối đa là 600.000 hóa đơn/chu kỳ.

- Thanh toán đợt 3: Sau Khi Bên B hoàn thành và được Bên A nghiệm thu khối lượng công việc trong chu kỳ thanh toán thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24) của hạng mục II “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC. Khối lượng công việc được nghiệm thu là số lượng hóa đơn được xử lý trong kỳ thanh toán. Nếu số lượng hóa đơn vượt quá 600.000 hóa đơn/chu kỳ (12 tháng) thì Chủ đầu tư chỉ thanh toán số lượng tối đa là 600.000 hóa đơn/chu kỳ.

- Thanh toán đợt 4: Sau Khi Bên B hoàn thành và được Bên A nghiệm thu khối lượng công việc trong chu kỳ thanh toán thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 36) của hạng mục II “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC. Khối lượng công việc được nghiệm thu là số lượng hóa đơn được xử lý trong kỳ thanh toán. Nếu số lượng hóa đơn vượt quá 600.000 hóa đơn/chu kỳ (12 tháng) thì Chủ đầu tư chỉ thanh toán số lượng tối đa là 600.000 hóa đơn/chu kỳ.

- Thanh toán đợt 5: Sau Khi Bên B hoàn thành và được Bên A nghiệm thu khối lượng công việc trong chu kỳ thanh toán thứ 4 (từ tháng thứ 37 đến hết tháng thứ 48) của hạng mục II “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC. Khối lượng công việc được nghiệm thu là số lượng hóa đơn được xử lý trong kỳ thanh toán. Nếu số lượng hóa đơn vượt quá 600.000 hóa đơn/chu kỳ (12 tháng) thì Chủ đầu tư chỉ thanh toán số lượng tối đa là 600.000 hóa đơn/chu kỳ.

- Thanh toán đợt 6: Sau Khi Bên B hoàn thành và được Bên A nghiệm thu khối lượng công việc trong chu kỳ thanh toán thứ 5 (từ tháng thứ 49 đến hết tháng thứ 56) của hạng mục II “Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều” thuộc điểm b, khoản 1.2, mục 1 – Chương V (Yêu cầu về kỹ thuật) của HSYC. Khối lượng công việc được nghiệm thu là số lượng hóa đơn được xử lý trong kỳ thanh toán. Nếu số lượng hóa đơn vượt quá 600.000 hóa đơn/chu kỳ (12 tháng) thì Chủ đầu tư chỉ thanh toán số lượng tối đa là 600.000 hóa đơn/chu kỳ.

c) Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu bàn giao hàng hóa và cung cấp cho chủ đầu tư đầy đủ chứng từ của từng đợt thanh toán như sau:

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên bản bàn giao hàng hóa
- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.

c) Số lần thanh toán: Thanh toán theo từng năm và chia đều cho các năm.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói kết hợp đơn giá

- Đối với hạng mục I. Khởi tạo dịch vụ: Trọn gói;
- Đối với hạng mục II. Dịch vụ tự động xử lý 3.000.000 hoá đơn và đối chiếu 3 chiều: Theo đơn giá cố định;

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ ngày trước khi ký hợp đồng*]

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: thư bảo lãnh của ngân hàng

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa/dịch vụ được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định*].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa/dịch vụ có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa/dịch vụ và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa/dịch vụ: _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa/dịch vụ, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ được cung cấp để đảm bảo hàng hóa/dịch vụ đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa/dịch vụ không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm*]. Trường hợp hàng hóa/dịch vụ không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa/dịch vụ không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Trường hợp Bên B không khắc phục sự cố theo thời gian phản hồi và thời gian xử lý quy định tại Hợp đồng, Bên B phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại phát sinh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên A.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa/dịch vụ

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa/dịch vụ mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa/dịch vụ do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].*

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa/dịch vụ được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa/dịch vụ.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa/dịch vụ như sau: _____ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa/dịch vụ trong thời hạn bảo hành...].*

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].*

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

